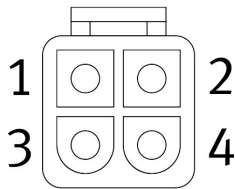


Cáp động cơ
NEBM-H6G4-K-2.5-Q13N-LE4
Số bộ phận: 5219193

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Tên cáp	không giá biển báo
Cổng nối điện 1, chức năng	Phía thiết bị hiện trường
Cổng nối điện 1, thiết kế	góc
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Ổ cắm
Cổng nối điện 1, đầu ra cáp	thẳng
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Sơ đồ kết nối H6 cho động cơ được mã hóa
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	4
Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng	4
Cổng nối điện 2, chức năng	Phía điều khiển
Cổng nối điện 2, kiểu kết nối	Cáp
Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối	đầu mở
Cổng nối điện 2, số cực/dây	4
Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng	4
Dải điện áp hoạt động DC	0 V...300 V
Dải điện áp hoạt động AC	0 V...300 V
Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C	9.5 A
Độ chịu điện áp xung	2 KV
Chiều dài cáp	2.5 m
Đặc điểm dây dẫn	Tiêu chuẩn
Dòng điều kiện kiểm tra	Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu
Bán kính uốn, định tuyến cáp cố định	74 mm
Bán kính uốn, định tuyến cáp có thể di chuyển	111 mm
Đường kính cáp	7.4 mm
Cấu tạo cáp	4 x 0,79 mm ²
Mặt cắt danh định của dây dẫn	0.79 mm ² AWG18
Đầu dây	Màng sông sắt
Mức độ bảo vệ	IP20
Lưu ý về mức độ bảo vệ	ở trạng thái lắp
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-25 °C...90 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt	-25 °C...90 °C

Đặc tính	Giá trị
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị điện áp thấp của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo các quy định UK RoHS theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vòng III
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
mức độ ô nhiễm	3
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Vật liệu vỏ bọc cáp	TPE-E
Màu vỏ cáp	màu đen
Vật liệu vỏ	PA
nhà màu	trắng
Vật liệu vỏ cách điện	TPE-E